BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Số(N°): 462/VAQ09 - 03/14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LINH KIỆN Ô TÔ

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR SYSTEMS/ COMPONENTS OF AUTOMOBILE
Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số: 1947/18/LH Ngày: 18.05.2018
Pursuant to the Technical document N° *Date*

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 34 : 2017/BGTVT
Regulation applied

Căn cứ Báo cáo kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng số: 43015/17/01 Ngày: 06.11.2017
Pursuant to the results of C.O.P examination report N° *Date*

Căn cứ Báo cáo kết quả thử nghiệm số: 0950/KQTN-PO/14 Ngày: 10.11.2014
Pursuant to the results of Testing record N° *Date*

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Kiểu loại sản phẩm: **Lốp hơi ô tô**
(System/ Component type)

Nhãn hiệu: **DRC**
(Make)

Số loại: **11.00R20 18PR 152/149 K D821**
(Type)

Ký hiệu thiết kế/ký hiệu sản phẩm: **11.00R20/D821/18PR**
(Design code/component code)

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng**
(Name and address of manufacturer) Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Tên, địa chỉ xưởng sản xuất, lắp ráp: **Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng**
(Name and address of assembly plant) Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Kiểu loại sản phẩm nói trên phù hợp với QCVN 34 : 2017/BGTVT
The product is in compliance with the QCVN 34 : 2017/BGTVT

Ghi chú:
- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá

Ngày 22 tháng 05 năm 2018 (Date)
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
Vietnam Register
General Director

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỤC TRƯỞNG
Trần Kỳ Hình

Cấp lại trên cơ sở giấy chứng nhận số : 462/VAQ09 - 03/14 ký ngày 15.11.2017

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
LỐP HƠI XE Ô TÔ

Số báo cáo: **0950 /KQTN-PO/14**

Tên sản phẩm	:	*Lốp hơi xe ô tô*
Nhãn hiệu	:	*DRC*
Ký hiệu thiết kế	:	*11.00R20/D821/18PR*
Cơ sở đăng ký thử nghiệm	:	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*
Địa chỉ	:	*Số 01 đường Lê Văn Hiến, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng*

Tháng 11 năm 2014

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Báo cáo thử nghiệm không có chữ ký của Lãnh đạo và dấu của Trung tâm thử nghiệm (dấu giáp lai và dấu đóng từng trang) sẽ không có giá trị.
2. Báo cáo thử nghiệm bị tẩy xóa, sửa chữa sẽ không có giá trị.
3. Nếu cơ sở đăng ký thử nghiệm có khiếu nại về kết quả trong báo cáo thử nghiệm thì trong thời gian quy định phải gửi văn bản khiếu nại tới cơ sở thử nghiệm.
4. Kết quả trong báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
5. Cơ sở đăng ký thử nghiệm không được sửa đổi nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.
6. Nguồn gốc, ký hiệu thiết kế, ký hiệu sản phẩm, mã số, nhãn hiệu sản phẩm ghi theo đăng ký của cơ sở đăng ký thử nghiệm.
7. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các tranh chấp nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp đối với mẫu thử do cơ sở đăng ký thử nghiệm mang tới.

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

Địa chỉ : 18 đường Phạm Hùng - Mỹ Đình 2 - Nam Từ Liêm - Hà Nội
Điện thoại : 04 - 37683598 máy lẻ 816
Fax : 04 - 37683599
Email : vmtc@hn.vnn.vn

Tên sản phẩm	*Lốp hơi xe ô tô*	**Ký hiệu thiết kế**	*11.00R20/D821/18PR*
Cơ sở đăng ký thử nghiệm	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*	**Số loại**	*11.00R20 18PR 152/149 K D821*
		Nhãn hiệu	*DRC*
Cơ sở sản xuất	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*	**Thời gian giao đủ hồ sơ, mẫu thử**	*30/10/2014*
		Số lượng mẫu	*03*
Địa điểm giao nhận mẫu	*Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới*	**Người giao mẫu**	*Lê Duy Ngữ*
Quy chuẩn áp dụng	*QCVN 34:2011/BGTVT*	**Người nhận mẫu**	*Nguyễn Châm Anh*
Căn cứ để thử nghiệm	*- Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15/04/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải* *- Văn bản ĐKTN số 599.25/DRC-CS ngày 20/10/2014 của Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*		

HẠNG MỤC THỬ NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

STT	Hạng mục thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm
1	**Kiểm tra tổng quát**	*Đạt yêu cầu*
2	**Kiểm tra kích thước**	*Đạt yêu cầu*
3	**Thử nghiệm tính năng tốc độ / tải trọng, độ bền**	*Đạt yêu cầu*

Kết luận: *Lốp hơi mẫu nêu trên được thử nghiệm và thỏa mãn quy chuẩn QCVN 34:2011/BGTVT*

Hà nội, ngày 10 tháng 11 năm 2014

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

Đặng Việt Hà

Chịu trách nhiệm về kết quả thử nghiệm	Chịu trách nhiệm về soát xét (Trưởng Ban)
Nguyễn Châm Anh ĐKV hạng III	Trần Bách Khải ĐKV hạng II

ẢNH CHỤP MẪU THỬ NGHIỆM

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA LỐP HƠI XE Ô TÔ DO CƠ SỞ ĐĂNG KÝ THỬ NGHIỆM ĐĂNG KÝ

STT	Thông số kỹ thuật	Chỉ tiêu kỹ thuật
1	Ký hiệu kích cỡ lốp	*11.00R20*
2	Cấu trúc lốp	*Mành hướng tâm*
3	Chỉ số khả năng chịu tải	*152/149*
4	Cấp tốc độ	*K (vận tốc lớn nhất 110 km/h)*
5	Loại lốp có/không sử dụng săm	*Lốp có sử dụng săm*
6	Loại sử dụng	*Thông thường*
7	Áp suất hơi tương ứng với tải lớn nhất	*135 PSI/ 135 PSI*
8	Loại lốp	*Tiêu chuẩn*
9	Sử dụng cho các loại xe	*Xe ô tô tải, ô tô khách*

ẢNH CHỤP CÁC KÝ HIỆU TRÊN MẪU THỬ

Hình 1: Nhãn hiệu

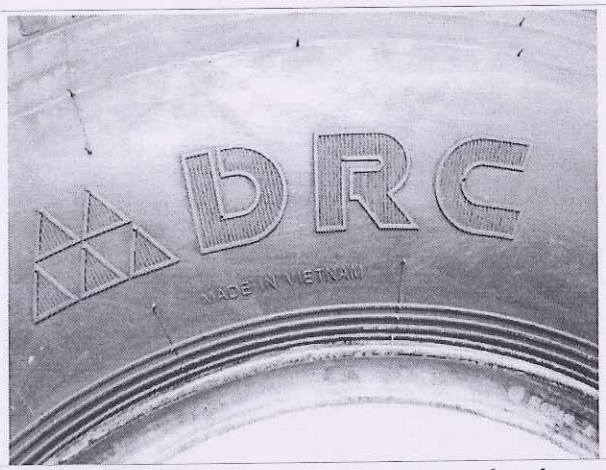

Hình 2: Ký hiệu kích cỡ lốp

Hình 3: Chỉ số khả năng chịu tải và cấp tốc độ

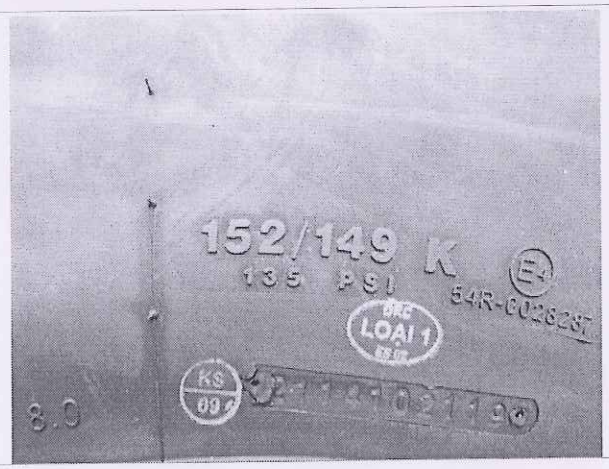

Hình 4: Mẫu vân lốp

Hình 5: Lốp là loại có/không sử dụng săm

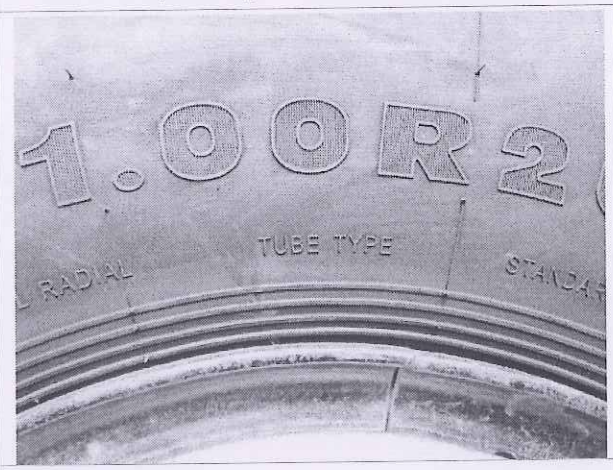
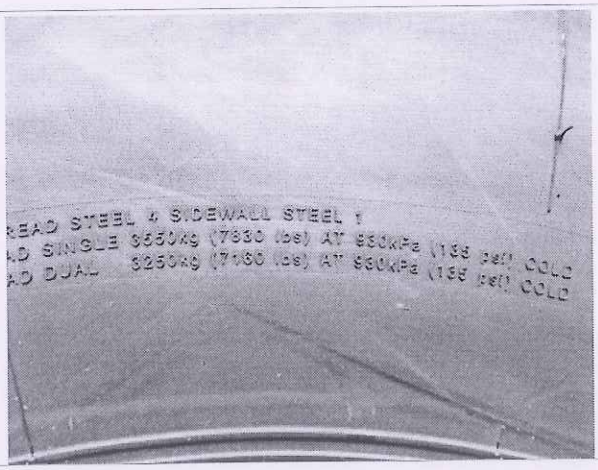
Hình 6: Áp suất lốp